

Số: 2263/LDA-VT

Lâm Đồng, ngày 02 tháng 07 năm 2025

V/v báo giá dự toán đơn hàng mua sắm
Vật tư sửa chữa băng tải A18

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp vật tư

Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng - TKV (LDA) hiện đang có nhu cầu mua sắm vật tư phục vụ sản xuất cho nhà máy Alumin.

Để có cơ sở lập dự toán đơn hàng mua sắm Vật tư sửa chữa băng tải A18 thuộc nhu cầu mua sắm vật tư cơ điện phát sinh tháng 6 năm 2025, LDA kính mời các nhà cung cấp vật tư tham gia khảo sát và báo giá dự toán vật tư với các yêu cầu cụ thể như sau:

I. Thông tin và yêu cầu về hàng hóa, vật tư:

1. Chứng loại, danh mục, số lượng vật tư: Chi tiết theo phụ lục I kèm theo.

- Đối với các mục không chào giá thì số thứ tự Danh mục vật tư trong bảng báo giá giữ nguyên (không được xóa), các thông tin còn lại như: Số lượng; Đơn Giá; Thành tiền ghi là "0" hoặc ghi là "*Không chào giá*".

2. Yêu cầu về quy cách, đặc tính kỹ thuật:

- Hàng hóa, vật tư cung cấp theo từng chủng loại do nhà cung cấp chào phải đáp ứng các yêu cầu về quy cách, đặc tính kỹ thuật như nêu tại Cột 2 Phụ lục 1 kèm theo.

- Hàng hoá chào giá là hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng.

3. Yêu cầu về nhà sản xuất (hãng sản xuất), xuất xứ hàng hóa:

Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.

3.1 Đối với những mục vật tư yêu cầu phải có giấy tờ kèm theo để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ (CO) và giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) khi giao hàng đối với hàng nhập khẩu; giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng đối với hàng sản xuất trong nước hoặc văn bản tương đương được LDA chấp thuận.

+) Nhà cung cấp là đơn vị trực tiếp nhập khẩu nguyên lô, theo hợp đồng thì phải giao bản gốc CO,CQ.

+) Trường hợp NCC nhập khẩu lô lớn để phân phối, hoặc bán lẻ, hoặc không phải là đơn vị nhập khẩu trực tiếp thì Nhà cung cấp ký tên, đóng dấu xác nhận và chịu trách nhiệm trước Pháp Luật về tính trung thực của bản sao CO,CQ) trừ trường hợp được quy định cụ thể tại cột 7 – Phụ lục 1;

3.2. Ngoài các mục yêu cầu bắt buộc CO,CQ được ghi tại Cột 7 – phụ lục I thì nhà cung cấp phải cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO) đối với các vật tư, phụ tùng nhập khẩu có đơn giá ≥ 50 triệu (đã bao gồm thuế, phí); giấy chứng nhận chất lượng (CQ) hoặc văn bản tương đương đối với các phụ tùng, vật tư kỹ thuật mua của các nhà sản xuất trong nước có đơn giá > 10 triệu (đã bao gồm thuế, phí).

***Lưu ý:** Các giấy tờ CO,CQ hoặc văn bản tương đương bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt.

4. Thời gian, tiến độ cung cấp:

Thời gian, tiến độ yêu cầu tương ứng đối với từng chủng loại vật tư như nêu tại Cột 5 Phụ lục 1 kèm theo.

Trên cơ sở tiến độ yêu cầu của LDA, nhà cung cấp có thể đề xuất thời gian, tiến độ cung cấp hàng hoá thực tế của mình để LDA xem xét, quyết định.

5. Địa điểm giao nhận: Kho của LDA tại nhà máy alumina, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

6. Các yêu cầu khác:

- Điều kiện thanh toán: LDA sẽ thanh toán 95% trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận đủ bộ hồ sơ theo quy định, khoản tiền giữ lại 5% bảo hành, LDA sẽ thanh toán trong vòng 30 ngày sau khi hết hạn.

- Tạm ứng hợp đồng: LDA không áp dụng điều kiện tạm ứng hợp đồng.

II. Các yêu cầu và chỉ dẫn nộp bảng báo giá:

1. Yêu cầu bảng báo giá:

- Nhà cung cấp tham gia báo giá dự toán chuẩn bị 01 bảng báo giá dự toán (bản giấy) điền đầy đủ các thông tin theo mẫu tại Biểu mẫu Phụ lục 2 kèm theo.

- Hiệu lực bảng báo giá tối thiểu 45 ngày kể từ ngày kể từ ngày báo giá.

2. Chỉ dẫn nộp bảng báo giá:

- Địa chỉ nộp, tiếp nhận Bảng báo giá:

+) Tổ tư vấn lựa chọn NCC vật tư - Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng - TKV.

+) Địa chỉ: Đường Phan Đình Phùng, Tổ 15, Thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

+) Điện thoại: 02633.961.682/ Fax: 02633.961.680.

- Thời điểm hết hạn tiếp nhận bảng báo giá dự toán (bản giấy) trước: 15h00 phút ngày 05 tháng 07 năm 2025.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website công ty (đăng tải);
- Giám đốc công ty;
- Tổ tư vấn LCNCC vật tư;
- Lưu VT, P.VT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đức Thái

Phụ lục 1:

CHI TIẾT THÔNG TIN, YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Tủ điện KT:1200x800x400 mm (Cao x Rộng x Sâu), 2 lớp dày 1.5mm, sơn tĩnh điện. - Quạt hút Leipole FK9925-230 (2 cái). - Bộ điều khiển nhiệt độ tủ điện Leipole JWT6011F, 1 NO, 220V: 01 cái - Bao gồm phụ kiện như cầu đấu, thanh ray, máng nhựa, tem nhãn, ống lồng, đầu cos... và đấu nối hoàn thiện các thiết bị trong tủ theo bản vẽ	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	NHD1
2.	Đầu cân hiển thị số 7MH7152-2AA00-2AA	Bộ	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	NHD1
3.	Cảm biến tốc độ 7MH7134-2AB30	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	NHD1
4.	Giường cân Loadcell MTB-100 Metler, (D89xH199xR1800) (Gồm Bộ giá đỡ loadcell, Vật liệu inox 304, Con lăn).	Cái	2	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	NHD2
5.	Biến tần ABB ACS355-03E-31A0-4 15kW, 20HP, 3P, 380V, gồm Control Panel ACS-CP-C	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	NHD1
6.	Cáp điện CXV 3x6+1x4mm2	Mét	30	60 ngày			NHD30
7.	Cáp tín hiệu PRVP 6x100/0.2, có màng bọc chống nhiễu, màu đen	Mét	100	60 ngày			NHD100
8.	Cáp profibus 6XV1830-OEH10	Mét	50	60 ngày			NHD50
9.	Bộ nguồn 6EP1333-2BA20	Cái	2	60 ngày	≥ 12 tháng		NHD2
10.	MCCB LV510305	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng		NHD1

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
11.	MCCB LV510301	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng		NHD1
12.	MCB A9F74216	Cái	3	60 ngày	≥ 12 tháng		NHD3
13.	MCCB A9N61528	Cái	2	60 ngày	≥ 12 tháng		NHD2
14.	Rơ le trung gian RXM4AB1P7, 14 chân, 220VAC, kèm đế	Cái	6	60 ngày	≥ 12 tháng		NHD6
15.	Biến trở 4.7 kilo ôm WXD3-13	Cái	1	60 ngày			NHD1
16.	Contactor LC1D25M7, 3P, 25A	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng		NHD1
17.	Tủ điện 400x300x210mm, 2 lớp có mái che, tôn dày 1.2mm, sơn tĩnh điện màu ghi	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng		NHD1
18.	Đầu cân hiển thị số IND320, 32E-1000-0A-000-000	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	NHD1
19.	Hộp cộng tín hiệu Loadcell Mã hiệu: JCB-MT1, Vật liệu: inox 304, IP65	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	NHD1
20.	Khung băng tải: Thép hình U200, VL: SS400, Dài 6147x Rộng 1812x Cao 773mm Bao gồm: - Bao che điểu đồ, VL: Thép SS400 dày 3mm Khung rèm che chắn liệu biên băng tải vật liệu thép SS400	Bộ	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	NHD1
21.	Rulo chủ động Ø270x1600FW mm; Shaft (Trục): S45C, Dtr=80mm; Bọc cao su, lưu hóa nóng, độ dày 10 mm, rãnh kim cương, độ cứng 60 -65 Shore A, màu đen; Tổng chiều dài trục L=2166mm; Khoảng cách 2 tâm gối đỡ L= 1835mm; kèm gối đỡ SNL 513+ vòng bi 22213	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	NHD1
22.	Rulo bị động Ø270x1600FW mm; Shaft (Trục): S45C, Dtr=80mm; Tổng chiều dài trục L=2065mm; Khoảng cách 2 tâm gối đỡ L= 1995mm; kèm gối đỡ SNL 512+ vòng bi 22212	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	NHD1



TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
23.	Con lăn trên PSV3 FHD.25F16.89NY.1628 khoan lỗ tăng chỉnh, VL: Thép SS400, Ø89N x L1600	Cái	25	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	NHD25
24.	Rem che chắn biên băng tải Skirting Rubber Order No.400015 Width.150mm	Mét	12	60 ngày	≥ 12 tháng		NHD12

Ghi chú:

- Nhà cung cấp khảo sát tại trực tiếp tại phân xưởng của LDA, các vật tư/ phụ tùng cung cấp lắp đặt phải tương thích với thiết bị/dây chuyền hiện tại của LDA.



Phụ lục 2: Biểu mẫu báo giá dự toán

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BẢNG BÁO GIÁ DỰ TOÁN

Kính gửi: Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng – TKV

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá dự toán số ____ [Ghi số, ngày của thư mời báo giá]. Chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà cung cấp] trân trọng gửi bảng báo giá dự toán cụ thể như sau:

STT	Chủng loại hàng hóa/vật tư theo yêu cầu của LDA	Chủng loại hàng hóa/thông số nhà cung cấp đề xuất	Nhà sản xuất/Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thời gian, tiến độ cung cấp	Các tài liệu, hồ sơ cam kết kèm theo (thời gian BH)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
2											
3											
	Tổng cộng giá chào trước thuế:										
	Thuế GTGT:										
	Tổng cộng giá chào sau thuế:										
	(Bằng chữ:)										

Hiệu lực báo giá:..... ngày.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Cột số (2): Nhà cung cấp điền đúng chủng loại, thông số yêu cầu như cột (2) của phụ lục I.
- Cột số (3): Chỉ điền khi chào chủng loại hàng hóa, vật tư, thông số khác so với nhu cầu của LDA (trường hợp đúng yêu cầu của LDA thì bỏ trống).
- Cột số (4): Ghi rõ nhà sản xuất/ hãng sản xuất; xuất xứ của hàng hóa ghi vào Cột (5).
- Cột số (8) và (9): điền đvt và số lượng theo yêu cầu của LDA, trường hợp hiệu chỉnh lại đơn vị tính và số lượng theo thực tế thị trường thì nhà cung cấp ghi rõ vào phần ghi chú (cột 12).
- Cột số (10) ghi đơn giá, là đơn giá tổng hợp, bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết như giá hàng hóa (giá C&IF đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc giá xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất trong nước), chi phí vận chuyển, chi phí lưu kho, chi phí bốc dỡ hàng, các khoản phí, thuế khác liên quan đến hàng hóa cho đến khi hàng hóa được bàn giao đảm bảo đạt yêu cầu tại kho của LDA.
- Đối với những mục vật tư yêu cầu phải có giấy tờ kèm theo để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ (CO) và giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc Giấy cam kết chất lượng theo yêu cầu của hồ sơ mời chào giá khi giao hàng, thì nhà cung cấp phải ghi vào Cột 7.
- Đối với trường hợp NCC chào chủng loại hàng hóa, quy cách, đặc tính kỹ thuật bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch song ngữ bằng tiếng Việt trong bảng báo giá.